TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/DS-ST
Ngày: 12-8-2022
V/v tranh chấp hụi, tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện;

2. Ông Lê Văn Công

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Cảnh Khang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hụi, tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; địa chỉ thường trú: X bis, khu phố BĐ, phường LT, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1959; địa chỉ: Y, khu phố BĐ, phường LT, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông Lê Hữu Đ, sinh năm 1961; địa chỉ thường trú: X bis, khu phố BĐ, phường LT, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào ngày 20/01/2021 âm lịch nhằm ngày 03/03/2021, bà Nguyễn Thị H có tham gia dây hụi do bà Huỳnh Thị N làm chủ, loại hụi 2.000.000 đồng/01phần (chưng), có 12 phần (chưng), mỗi tháng khui hụi 01 lần và hụi khui tròn 12 tháng, bà H tham gia chơi 01 chưng, đã đóng được 10 lần tính đến ngày 22/10/2021 âm lịch nhằm ngày 26/11/2021. Sau khi đóng hụi vào ngày

22/10/2021 âm lịch, bà H có báo cho bà N đến ngày 22/11/2021 âm lịch sẽ hốt hụi, số tiền hốt hụi là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) nhưng đến ngày hốt hụi bà N không đồng ý trả, bà N cấn trừ với số tiền nợ của ông Lê Hữu Đ. bà N cho rằng ông Đ là chồng của bà H cũng đang vay của bà N số tiền là 20.000.000 đồng vào ngày 29/4/2021 nên bà H phải có trách nhiệm trả thay cho ông Đ. Tuy nhiên, bà H và ông Lê Hữu Đ đã ly hôn với nhau vào ngày 30/11/2020 theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An. Sau khi ly hôn, ông Lê Hữu Đ còn nợ bà H số tiền 17.000.000 đồng nên ông Đ muốn vay của bà N số tiền nêu trên để trả cho bà H, việc bà H ký tên trong giấy nợ là để cho ông Đ có thể mượn được tiền của bà N trả nợ cho bà H, chứ bà H không bảo đảm và cũng không có trách nhiệm phải trả thay cho ông Đ. Cho rằng không giao tiền hụi của bà Huỳnh Thị N là cố tình trốn tránh trách nhiệm, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên bà H yêu cầu:

- Buộc bà N phải trả cho bà H số tiền hụi là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Buộc bà N phải trả cho bà H số tiền lãi do chậm trả là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tính từ ngày 22/11/2021 âm lịch (Tức là ngày 24/12/2021) đến nay;

- bà H đồng ý trả cho bà N số tiền 800.000đ là tiền cò do bà N làm chủ hụi và 200.000 đồng là số tiền bà H còn thiếu trong một kỳ đóng hụi, tổng số là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Như vậy, sau khi khấu trừ số tiền 1.000.000 đồng nêu trên, bà H yêu cầu bà N phải trả số tiền 23.000.000 đ (Hai mươi ba triệu đồng), ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Đối với yêu cầu phản tố của bà N, bà H có ý kiến như sau:

Theo Thông báo về việc thụ lý vụ án (Yêu cầu phản tố) số 10/TB – TLVA ngày 18/5/2022 thì bà N có yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả lại cho bà N số tiền hụi chết chưa đóng là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) sau khi trừ tiền cò 800.000 đồng. Và Thông báo về việc thụ lý vụ án (Yêu cầu phản tố bổ sung) số 14/TB – TLVA ngày 23/6/2022 bà N có yêu cầu bà H và ông Lê Hữu Đ trả cho bà N số tiền 20.000.000 đồng theo giấy mượn nợ ngày 29/4/2021 bà H không đồng ý. Vì đây là số tiền ông Đ vay của bà N sau khi bà H và ông Đ đã ly hôn; bà N muốn bà H ký tên trên giấy mượn nợ này là để làm tin sau đó bà N mới cho ông Đ vay tiền, bà H ký tên trên giấy mượn tiền chứ không vay tiền của bà N nên không đồng ý trả. bà H không đồng ý yêu cầu của bà N về việc phải đóng số tiền hụi chết là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) sau khi trừ tiền cò 800.000 đồng vì khi báo hốt hụi vào ngày 22/11/2021 âm lịch, bà H đã nói với bà N rằng sau khi hốt hụi bà H không chơi nữa; đồng thời bà N không giao hụi nên không đồng ý đóng hụi chết của tháng 12/2021 cho bà N. bà H chỉ đồng ý trả cho bà N số tiền là 1.000.000 đồng (trong đó là 800.000 đồng tiền cò và 200.000 đồng tiền hụi tháng trước còn nợ). bà H thừa nhận có cùng ông Đ đến nhà bà N để ký giấy mượn nợ và nhận số tiền 20.000.000 đồng, bà H chỉ nhận 17.000.000 đồng còn lại 3.000.000 đồng ông Đ nhận.

Bị đơn là bà Huỳnh Thị N trình bày:

Bà H có tham gia chơi hụi do bà N tổ chức, cụ thể: Vào ngày 20/01/2021 âm lịch nhằm ngày 03/03/2021, loại hụi 2.000.000 đồng/ 01phần(chưng)/tháng, có 12 phần (chưng), mỗi tháng khui hụi 01 lần và hụi khui tròn 12 tháng, dây hụi này bà H tham gia chơi 01 chưng, nếu hụi sống thì bà H chỉ đóng không đến 2.000.000 đồng. Đến kỳ hụi của tháng 11, bà H có yêu cầu hốt phần hụi của mình, nhưng do ông Lê Hữu Đ và bà H còn nợ bà N số tiền 20.000.000 đồng theo giấy mượn nợ ngày 29/4/2021 nên bà N khấu trừ vào số tiền hụi phải trả vào số tiền nợ. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, bà N có yêu cầu phản tố như sau: bà N không đồng ý trả số tiền lãi là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) theo yêu cầu của bà H; Phần tiền hụi của tháng 12 trong dây hụi mà bà H tham gia thì chưa đóng với số tiền phải đóng là 2.000.000 đồng. bà N đồng ý trừ 800.000 đồng tiền cò bà H phải trả cho bà N khi hốt hụi tháng 11 và 200.000 đồng còn thiếu trong một kỳ đóng hụi trước đó, sau khi khấu trừ bà H còn phải trả cho bà N số tiền 1.200.000 đồng. bà N yêu cầu ông Đ và bà H phải liên đới trả cho bà N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo giấy mượn nợ ngày 29/4/2021, bà N không yêu cầu trả tiền lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Lê Hữu Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng có trình bày:

Ông Đức không liên quan đến việc chơi hụi giữa bà H và bà N. ông Đ thống nhất với trình bày của bà N về việc ông Đ và bà H có ký tên trên giấy mượn nợ ngày 29/4/2021 về việc vay của bà N số tiền 20.000.000 đồng, số tiền này khi vay thì ông Đ và bà H cùng nhận chứ không phải riêng mình ông Đ nhận. Nay do kinh tế khó khăn, ông Đ còn phải trả nhiều khoản nợ khác nên chưa có điều kiện trả nợ cho bà N. ông Đ đề nghị bà N cho thêm thời gian để thu xếp tiền trả cho bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An phát biểu: Về tố tụng, quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc tranh luận Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền khi tham gia tố tụng. Về nội dung: bà N là chủ hụi, khi bà H yêu cầu hốt hụi nhưng bà N không giao tiền hụi là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc bà N phải trả số tiền hụi và lãi chậm trả là có căn cứ.

Bà Hạnh và bà N cùng thống nhất về số tiền cò 800.000 đồng bà H phải trả cho bà N và số tiền 200.000 đồng bà H còn thiếu trong một kỳ hụi và cùng thống nhất khấu trừ vào số tiền hụi bà N phải thanh toán cho bà H nên ghi nhận sự thỏa thuận của bà H và bà N về số tiền này.

Đối với số tiền nợ theo giấy mượn nợ ngày 29/4/2021 bà H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận ký tên trên giấy này và nhận tiền tại nhà bà N nhưng bà H cho rằng chỉ ký tên chứ không vay tiền của bà N nên không đồng ý trả cho bà N là cố tình trốn tránh trách nhiệm trả nợ cho bà N. Do đó, cần

buộc bà H và ông Lê Hữu Đ phải liên đới trả cho bà N số tiền 20.000.000 đồng, bà N không yêu cầu trả tiền lãi nên ghi nhận.

Đối với số tiền hụi chết của tháng 12/2021 bà H không đóng vì cho rằng sau khi đã thông báo hốt hụi vào tháng 11/2021 nên không có nghĩa vụ phải đóng cho bà N là vi phạm thỏa thuận về việc chơi hụi nên cần buộc bà H phải trả cho bà N số tiền này.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H; chấp nhận yêu cầu phản tố của bà N; công nhận sự thỏa thuận của bà H và bà N về việc bà H trả cho bà N số tiền có 800.000 đồng và 200.000 đồng còn nợ của một kỳ hụi trước đó.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo yêu cầu khởi kiện của bà H thì quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; bà N phản tố yêu cầu bà H phải đóng tiền hụi chết của tháng 12/2021; đồng thời yêu cầu bà H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Hữu Đ phải liên đới trả số tiền đã vay nên quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy đinh tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Bà Huỳnh Thị N có địa chỉ cư trú tại phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

Ông Lê Hữu Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông Đ theo quy định tại điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà Hạnh yêu cầu bà N trả số tiền chơi hụi là 20.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà N số tiền 800.000 đồng là tiền cò và 200.000 đồng còn nợ của kỳ hụi trước; ngoài ra bà H yêu cầu bà N phải trả 4.000.000đồng tiền lãi do chậm trả; tổng cộng số tiền yêu cầu bà N phải trả là 23.000.000 đồng. bà N thống nhất với bà H về việc bà H có tham gia chơi 1 chưng trong dây hụi 12 phần, hụi đóng 2.000.000 đồng/tháng bắt đầu từ 20/01/2021 âm lịch – tức ngày 03/03/2021 dương lịch; bà H đã đóng được 10 tháng và tháng 11/2021 âm lịch thì bà H thông báo hốt hụi; ngoài ra, do bà H chưa đóng hụi chết của tháng 12/2021 âm lịch nên bà N yêu cầu bà H phải đóng số tiền 1.200.000 đồng. bà N cho rằng bà H và ông Lê Hữu Đ còn nợ mình 20.000.000đồng theo giấy mượn nợ ngày 29/4/2021 nên khấu trừ vào số tiền nợ và không đồng ý trả tiền hụi cho bà H; bà N yêu cầu bà H và ông Đ phải liên đới trả số tiền này cho bà N, không yêu cầu tính lãi.

Như vậy, bà H và bà N cùng thừa nhận: bà N tổ chức dây hụi vào ngày 20/01/2021 âm lịch nhằm ngày 03/03/2021, hụi 2.000.000đồng/01phần (chưng)/tháng, có 12 phần (chưng), mỗi tháng khui hụi 01 lần và hụi khui tròn 12 tháng, dây hụi này bà H tham gia chơi 01 chưng và đã đóng được 10 lần, đến tháng 11/2021 âm lịch bà H thông báo hốt hụi vào ngày 20/11/2021 âm lịch nhưng bà N chưa giao tiền cho bà H; sau khi thông báo hốt hụi, bà H không đóng hụi chết của tháng 12/2021 âm lịch cho bà N; bà H đồng ý trả cho bà N số tiền 800.000 đồng là tiền cò và 200.000 đồng còn nợ của kỳ hụi trước. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự cùng thống nhất về việc ngày 29/4/2021 bà H và ông Đ có ký tên giấy mượn nợ về việc vay của và Ngọc số tiền 20.000.000đồng và đến nay chưa trả cho bà N. Tuy nhiên, bà H không thừa nhận vay của bà N số tiền nêu trên mà cho rằng chỉ ký tên làm tin cho ông Đ vay tiền của bà N để trả cho bà H nên không đồng ý trả; ông Đ thừa nhận có vay tiền của bà N và trình bày số tiền này cả ông Đ và bà H cùng nhận tại nhà của bà N chứ không phải riêng ông Đ nhận nhưng nay ông Đ chưa có tiền trả cho bà N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H: bà N tổ chức chơi hụi, bà H tham gia chơi và đã đóng được 10 kỳ, khi bà H yêu cầu hốt hụi bà N không giao tiền hụi cho bà H là vi phạm nghĩa vụ của người chủ hụi quy định tại khoản 3 Điều 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường. Do đó, bà H yêu cầu bà N phải trả số tiền hụi 20.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Bà H và bà N cùng thống nhất về việc bà H trả cho bà N 800.000 đồng tiền cò và 200.000 đồng tiền nợ của một kỳ hụi trước, tổng số là 1.000.000 đồng. Do đó, công nhận sự thỏa thuận này giữa bà H và bà N.

Vì bà N chậm giao tiền hụi cho bà H nên bà H yêu cầu bà N phải trả tiền lãi do chậm thanh toán là có căn cứ, buộc bà N phải trả cho bà H số tiền lãi tính từ ngày 21/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (12/8/2022) là 08 tháng 22 ngày, lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm. Do đó chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với yêu cầu bà N trả tiền lãi. Cụ thể số tiền lãi bà N phải trả cho bà H như sau: [(20.000.000đ x 10%/12 tháng)] x 08 tháng 22 ngày) = 1.449.733 đồng.

[4] Xét yêu cầu phản tố của bà N:

Đối với yêu cầu phản tố của bà N về việc buộc bà H phải đóng tiền hụi chết của tháng 12/2021 số tiền là 1.200.000 đồng: bà H tham gia chơi hụi gồm 12 phần, đóng theo 12 tháng, mỗi tháng đóng số tiền 2.000.000 đồng. Sau khi thông báo hốt hụi vào tháng 11/2021 âm lịch bà H không đóng hụi chết của tháng 12/2021 âm lịch là vi phạm nghĩa vụ của người chơi hụi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường, do đó yêu cầu phản tố này của bà N được chấp nhận. Tại đơn phản tố, bà Huỳnh Thị N chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị H yêu cầu phải trả 1.200.000 đồng nên buộc bà H phải trả cho bà N số tiền 1.200.000đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bà N về việc buộc bà H và ông Đ phải liên đới trả số tiền nợ theo giấy mượn nợ ngày 29/4/2021: Ngày 29/4/2021, ông Lê Hữu Đ có lập giấy mượn nợ, vay của bà Huỳnh Thị N số tiền 20.000.000 đồng trong thời hạn 04 tháng tính từ ngày 29/4/2021. Theo trình bày của bà Huỳnh Thị N và ông Lê Hữu Đ thì giấy mượn nợ này được ông Đ và bà H viết trước khi đến nhà bà N nên có ghi sai họ của bà N là Nguyễn Thị N. bà N trình bày do trên giấy mượn nợ này chỉ có tên ông Lê Hữu Đ nên bà N không đồng ý cho vay tiền, bà N yêu cầu có mặt của cả vợ ông Đ là bà H và phải cùng ký tên trên giấy mượn nợ này thì bà N mới cho vay. Sau đó, bà H có mặt và ký tên, lăn dấu vân tay trên giấy mượn nợ đồng thời có ghi rõ "*Hai vợ chồng đồng ý ký tên và lăng tay chịu trách nhiệm số nợ nói trên*" và nhận tiền tại nhà bà N. bà H trình bày bà H và ông Đ đã ly hôn từ ngày 30/11/2020, không còn là vợ chồng; đồng thời bà H cho rằng do ông Đ còn nợ tiền của bà H, để cho ông Đ vay được tiền của bà N để trả cho bà H nên bà H mới đồng ý ký tên trên giấy mượn nợ này, thực tế là ông Đ vay chứ bà H không vay tiền của bà N.

Như vậy: Theo trình bày của các đương sự, khi vay tiền của bà N có mặt của bà H, bà H và ông Đ không nói cho bà N biết hai người đã ly hôn; bà N cũng không biết bà H và ông Đ đã ly hôn vì hai người vẫn sống chung nhà từ đó cho đến nay. Ông Đ và bà H thừa nhận có ký tên, ghi rõ họ tên và lăn dấu vân tay trên giấy mượn nợ ngày 29/4/2021, giấy mượn nợ có ghi rõ số tiền vay là 20.000.000 đồng, thời hạn trả là 04 tháng kể từ ngày 29/4/2021. Giấy vay tiền này ông Đ, bà H lập từ trước và mang đến nhà bà N nên có ghi sai họ của bà N là Nguyễn Thị Ngọc; sau đó hai người ký tên và nhận tiền do bà N giao. Vì vậy, có căn cứ để khẳng định bà Nguyễn Thị H và ông Lê Hữu Đ có vay của bà Huỳnh Thị N số tiền 20.000.000 đồng, bà N cho rằng chỉ ký tên lăn tay trên giấy mượn nợ để làm tin cho việc bà N cho ông Đ vay tiền để trả cho bà H là không có căn cứ, cố tình trốn tránh nghĩa vụ với bên cho vay là bà N. Do đó, bà N phản tố yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Lê Hữu Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà N số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. bà N không yêu cầu trả tiền lãi nên không xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị H, buộc bà Huỳnh Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền hụi là 20.000.000 đồng và tiền lãi 1.449.733 đồng; tổng cộng bà Huỳnh Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền: 21.449.733 đồng.

Công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị H và bà Huỳnh Thị N về việc bà Nguyễn Thị H trả cho bà Huỳnh Thị N số tiền 1.000.000 đồng (Bao gồm 800.000 tiền cò và 200.000 đồng tiền nợ của một kỳ đóng hụi).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị N phải trả số tiền 2.550.267 đồng tiền lãi chậm trả.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị N:

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Lê Hữu Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Thị N số tiền nợ 20.000.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Huỳnh Thị N số tiền 1.200.000 đồng tiền hụi chết chưa đóng.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do các đương sự đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên các đương sự được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các điều 463, 466, 468, 470 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 16, Điều 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường;

- Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Huỳnh Thị N về việc tranh chấp hụi và tiền lãi do chậm thanh toán.

Buộc bà Huỳnh Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền hụi là 20.000.000 đồng và tiền lãi 1.449.733 đồng; tổng cộng 21.449.733 đồng (Hai mươi mốt triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn, bảy trăm ba mươi ba đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị N đối với bà Nguyễn Thị H, ông Lê Hữu Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Lê Hữu Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Thị N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);

Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Huỳnh Thị N số tiền hụi chết chưa đóng là 1.200.000 đồng.

3. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị H và bà Huỳnh Thị N về việc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị N số tiền 1.000.000 đồng là tiền cò và tiền nợ của một kỳ hụi.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị N phải trả số tiền 2.550.267 đồng tiền lãi chậm trả.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành chậm thi hành thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

6. Về án phí: Các đương sự được miễn án phí dân sự sơ thẩm;

Trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 520.000 đồng và 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại các biên lai thu tiền số 0002058 ngày 15/3/2022 và 0002198 ngày 31/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

7. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Vũ Trọng Quân